

Dịch giả: Nguyễn Huệ

(Được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập T25 - Kinh số 1510a - Tổng cộng kinh này có 2 quyển.)

Xuất sinh pháp Phật không gì hơn

Hiển bày pháp giới là bậc nhất

Kim cương khó hoại, câu nghĩa hợp

Tất cả Thánh nhân không thể nhập.

Tiểu Kim Cương Ba-la-mật này

Do tên như thế nêu uy lực

Bậc Trí đã thuyết giảng giáo, nghĩa

Nghe rồi chuyển vì chúng con nói.

Quy mạng hết thầy bậc Giác ngộ

Đều đem tâm chánh xin đánh lễ

Con nên tinh tấn lập nghĩa ấy

Giải thích nối tiếp vì mình người.

Thành lập 7 thứ "Nghĩa cú" rồi, thì Bát-nhã Ba-la-mật ấy tức được thành lập. 7 Nghĩa cú là:

1. Chúng tánh không dứt.

2. Phát khởi hành tướng.

3. Nêu trụ xứ của hành.

4. Đối trị.

5. Không lỗi.

6. Nêu địa.

7. Lập danh.

7 Nghĩa cú này, được thành lập từ trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, nên gọi là Nghĩa cú. Nơi 6 Nghĩa cú trước là hiển bày, chỉ rõ đối tượng hành tác rất ráo của Bồ-tát. Nghĩa cú thứ 7 là nêu rõ việc thành lập pháp môn ấy. Nên nhận biết như thế. Bát-nhã Ba-la-mật này, vì Phật chúng không đoạn dứt nên lưu hành ở đời. Vì nhằm hiển bày về việc sẽ đạt được nghĩa Phật chúng không đoạn dứt ấy, nên Thượng tọa Tu-bồ-đề, ngay từ đầu đã nói: Hy hữu thay Đức Thế Tôn! Vì sao Đức Như Lai đã dùng sự khéo gồm thâu bậc nhất để thâu nhận các vị Đại Bồ-tát hiện có v.v...? Ở đây, khéo gồm thâu: Nghĩa là các vị Bồ-tát đã thuần thực đối với lúc Phật chúng đắc Chánh giác, Chuyển pháp luân, đem năm thứ nghĩa hợp với pháp Bồ-tát mà kiến lập.

Phó chúc: Là các vị Bồ-tát đã được thâu nhận kia, ở nơi lúc Đức Phật Bát-Niết-bàn, cũng dùng năm nghĩa ấy để kiến lập như thế. Hai thứ khéo gồm thâu và phó chúc ấy là hiển bày về Chúng tánh không dứt. (Nghĩa cú thứ 1)

* Phát khởi hành tướng (Nghĩa cú thứ 2): Như kinh nêu: Bồ-tát làm thế nào nên trụ v.v...?

Bồ-tát nên trụ: Nghĩa là muốn nguyện.

Nên tu hành: Nghĩa là tương ưng với Tam-ma-bát-đề (Chánh định).

Nên hàng phục tâm: Nghĩa là điều phục mọi tán loạn.

Ở đây, muốn là đang cầu. Nguyện là vì điều mong cầu nên tâm tư niệm.

Tương ưng với Tam-ma-bát-đề: Là Tam-ma-đề (Tam-muội) không phân biệt.

Điều phục mọi tán loạn: Là nếu tâm Tam-ma-bát-đề kia bị phân tán thì chế ngự khiến an trụ trở lại.

Câu thứ 1 là hiển bày về thâu giữ đạo. Câu thứ 2 là hiển bày về thành tựu đạo. Câu thứ 3 là làm rõ việc đạo không lỗi.

* Nêu trụ xứ của hành (Nghĩa cú thứ 3): Nghĩa là nêu rõ trụ xứ của việc phát khởi hành tướng kia. Ở đây lại có 18 thứ nên biết. Đó là:

1. Phát tâm.
2. Hành Ba-la-mật tương ưng.
3. Muốn được Sắc thân.
4. Muốn được Pháp thân.
5. Ở trong tu đạo đạt được pháp thù thắng không kiêu mạn.
6. Không lìa khi Phật xuất hiện.
7. Nguyện làm thanh tịnh cõi Phật.
8. Thành thực chúng sinh.
9. Xa lìa sự thuận theo nẻo tán loạn của ngoại luận.
10. Sắc thân cùng chúng sinh thân giữ lấy chỗ hợp với quán làm rõ hành tương ưng.
11. Cúng dường, hầu cận Như Lai.
12. Xa lìa mọi thứ lợi dưỡng cùng các thứ mệt nhọc thiếu thốn, bức bách khiến không khởi tinh tấn và thối chuyển.
13. Chịu khổ.
14. Lìa vị tịch tĩnh.
15. Nơi lúc chúng đạo, xa lìa mọi hỷ động.
16. Cầu được chỉ dạy, trao truyền.
17. Chúng đạo.
18. Trên là cầu đạt Phật địa.

Đó là 18 thứ trụ xứ. Trong ấy, Bồ-tát nên trụ như thế để hóa độ tất cả chúng sinh đạt đến Niết-bàn. Phát tâm rồi, ở trong các Ba-la-mật tu hành tương ưng. Vì nhằm đạt được Sắc thân cùng Pháp thân của Như Lai, nên phát sinh vui thích, mong muốn, nên xa lìa mọi chướng ngại nơi tâm trong chúng đạo. Đã lìa bỏ các thứ kiêu mạn, hỷ động v.v... nơi tâm rồi, vì chúng đạo nên cầu được chỉ dạy, khuyên bảo, sau đây tất đạt được chúng đạo. Từ đây trở lên đều là cầu đạt Phật địa. Thứ lớp ấy được nối tiếp như vậy, ở đây là phát tâm, nên kinh nêu: Bồ-tát ấy nên sinh tâm như thế v.v... Là hành Ba-la-mật tương ưng, nên kinh nêu: Bồ-tát không trụ nơi vật để hành bố thí v.v... Vì muốn đạt được Sắc thân, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào, có nên dùng tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? v.v...

Pháp thân lại có 2 thứ: 1. Pháp thân ngôn thuyết. 2. Pháp thân chúng đắc.

Pháp thân chúng đắc này cũng có 2 thứ: 1. Trí tướng. 2. Phước tướng.

Pháp thân ngôn thuyết: Nghĩa là như Tu-đa-la v.v... Vì muốn đạt được Pháp thân này, nên kinh nói: Thế Tôn! Như có chúng sinh nơi đời vị lai v.v...

Tướng đối với nghĩa không điên đảo, đó là tướng thật, nên biết theo như ngôn thuyết chấp nghĩa thì đây không phải là tướng thật.

Vì muốn đạt được Pháp thân trí tướng, nên kinh nêu: Có pháp để Như Lai chúng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng chăng? v.v... Vì muốn đạt được Pháp thân phước tướng, nên kinh nêu: Nếu nơi Tam thiên đại thiên thế giới này v.v...

Vì trong tu đạo được pháp thù thắng không kiêu mạn, nên kinh nêu: Tu-lô-đa-a-nhã-na-phả khởi suy niệm v.v...

Vì không hề lìa lúc Phật xuất thế, nên kinh nói: Có pháp để Như Lai, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng v.v...

Vì nguyện làm thanh tịnh cõi Phật, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Như có người nói như vậy: Như Lai đã thành tựu việc trang nghiêm quốc độ v.v...

Vì nhằm thành thực chúng sinh, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ví như có trượng phu v.v...

Vì nhằm xa lìa việc thuận theo nẻo tán loạn của ngoại luận, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như số cát hiện có của sông Hằng Già, lại có từng ấy sông Hằng Già v.v...

Vì Sắc thân cùng Chúng sinh thân luôn giữ lấy trung quán, làm rõ hành tương ưng, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Như số vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v...

Vì nhằm cúng dường, hầu cận Như Lai, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nên dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu để thấy Như Lai Ứng Chánh Biến Giác chăng? v.v...

Vì xa lìa mọi lợi dưỡng, các thú mệt nhọc, thiếu thốn bức bách, khiến đối với tinh tấn hoặc thối chuyển, hoặc không phát khởi, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu người nữ hoặc người nam xả bỏ Hằng già hà sa số thân v.v... Ở đây, thân có mệt mỏi, tâm có bức bách, do hai thứ ấy nên đối với tinh tấn kia, hoặc thối mất, hoặc không phát khởi.

Vì nhằm chịu khổ nên kinh nói: Nếu Như Lai hành Nhẫn Ba-la-mật v.v...

Vì nhằm lìa bỏ sự tham vị tịch tĩnh, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu người nữ hoặc người nam, đối với pháp môn nầy thọ trì v.v...

Vì nhằm vào lúc chúng đạo lìa bỏ mọi hỷ động, nên kinh nói: Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát nên trụ v.v...

Vì nhằm cầu được chỉ dạy, khuyên bảo, nên kinh nói: Có pháp nào để Như Lai, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đạt được Chánh giác về đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? v.v...

Vì nhằm chúng đạo, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ví như người nam có thân cao lớn, đẹp đẽ v.v...

Ở đây, thân đẹp đẽ: Là thân đạt đến, thân thành tựu được chuyển y rốt ráo.

Thân cao lớn: Là thân gồm thâu tất cả thân chúng sinh.

Từ đây trở lên đều là cầu đạt Phật địa, nên biết Phật địa ấy lại có 6 thứ đầy đủ, gồm thâu chuyển y đầy đủ:

1. Quốc độ thanh tịnh đầy đủ.
2. Kiến trí thanh tịnh vô thượng đầy đủ.
3. Thân tùy hình hảo đầy đủ.
4. Tướng thân đầy đủ.
5. Ngũ đầy đủ.
6. Tâm đầy đủ.

Trong tâm đầy đủ nầy lại có niệm xứ, có chánh giác, có pháp lợi lớn được thiết lập, có sự thâu giữ lấy Pháp thân, có không trụ nơi sinh tử Niết-bàn, có hành trụ thanh tịnh, nên biết.

Nơi hành trụ thanh tịnh ấy, nên biết lại có hành trụ oai nghi, có hành trụ quán danh sắc tự tại, có hành trụ không nhiễm.

Trong hành trụ không nhiễm nầy, nên biết lại có: Thuyết pháp không nhiễm, lưu chuyển không nhiễm.

Vì quốc độ thanh tịnh đầy đủ, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta làm trang nghiêm quốc độ, thành tựu v.v...

Vì kiến trí thanh tịnh vô thượng đầy đủ, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có nhục nhằn chăng? Cho đến: Như Tam thiên đại thiên thế giới nầy v.v...

Vì thân tùy hình hảo đầy đủ, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nên dùng sắc thân thành tựu để thấy Như Lai chăng? v.v...

Vì tướng thân đầy đủ, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Nên dùng tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? v.v...

Vì ngôn ngữ đầy đủ, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có khởi suy niệm: Ta đã thuyết pháp chăng? v.v...

Ở trong tâm đầy đủ, là niệm xứ, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Phi chúng sinh, phi chẳng chúng sinh v.v...

Vì chánh giác, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Từng có pháp để Như Lai đạt chánh giác nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng?

Vì thiết lập pháp lợi lớn, nên kinh nói: Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Trong Tam thiên đại thiên thế giới, hiện có núi Tu-di v.v...

Vì nhằm thấu giữ lấy Pháp thân, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nên dùng tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? v.v... Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Như Lai có thể dùng tướng đầy đủ để đạt chánh giác nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Chớ nên nghĩ như thế: Nghĩa này là làm rõ thế của tướng đầy đủ là "phi Bồ-đề", cũng không dùng tướng đầy đủ làm nhân, do tướng là tự tánh của sắc.

Vì không trụ nơi Niết-bàn, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Người suy niệm như thế để phát khởi, hành thừa Bồ-tát, có pháp để nói đoạn dứt chăng? v.v...

Vì không trụ nơi lưu chuyển, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở nơi tự phước, không nên thọ nhận, không nên chấp giữ v.v...

Thọ nhận: Là nói về có.

Chấp giữ: Là chấp giữ đạo kia.

Như tự phước, cùng trong quả đều không nên chấp giữ.

Ở trong hành trụ thanh tịnh, vì hành trụ oai nghi, nên kinh nói: Nếu có người nói như vậy: Như Lai hoặc đã v.v...

Vì hành trụ quán danh sắc làm rõ tự tại, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu như các thiện nam, thiện nữ đem số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v...

Ở trong hành trụ không nhiễm, vì thuyết pháp không nhiễm, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu như Bồ-tát đem vô lượng vô số thế giới v.v...

Vì lưu chuyển không nhiễm, nên kinh nói:

Như sao, màng, đèn, huyễn

Sương, bọt, mộng, chớp, mây

Nơi các pháp hữu vi

Phải nên quán như thế.

Kệ này hiển bày 4 thứ tướng hữu vi. Đó là:

1. Tướng tự tánh.

2. Tướng tham vương trụ nơi vị.

3. Tướng thuận theo lỗi lầm.

4. Tướng tùy thuận xuất ly.

+ Ở đây, tướng tự tánh: Là cộng tướng nơi kiến, thức. Tướng này như ánh sáng, nên thấy như thế. Vì sao? Vì trong chỗ tối của không trí thì có ánh sáng kia. Còn trong chỗ sáng tỏ của có trí thì không có ánh sáng ấy. Ngã kiến của người, pháp như "màng mắt nhắm", nên thấy như thế. Vì sao? Vì do chấp giữ lấy vô nghĩa. "Thức" như đèn, nên thấy như thế. Vì sao? Vì khát ái thấm nhuần nơi thủ, duyên nên càng tỏ rõ.

+ Ở đây, tướng tham vương trụ nơi vị: Là vị tham chấp về cảnh giới điên đảo. Tướng ấy như huyễn, nên thấy như thế. Vì sao? Vì do kiến điên đảo.

+ Ở đây, tướng thuận theo lỗi lầm: Là thuận theo như vô thường v.v... Tướng ấy được ví dụ như sương móc: Là hiển bày thế của tướng là không có, do thuận theo vô thường.

Tướng ấy được ví dụ như bọt nước: Là hiển bày sự thuận theo thế của khổ, do thọ như bọt nước, nên nếu có thọ đều là khổ, nên thuận theo Hữu. Nên biết khổ ấy là sinh, nên là khổ khổ. Hoại diệt nên là hoại khổ. Không cùng lìa nên là hành khổ.

Lại ở trong thiền thứ tư cùng vô sắc, lập thọ không khổ không lạc, cho là hơn hết.

+ Ở trong tướng tùy thuận xuất ly: Do tùy thuận người, pháp vô ngã để duyên dựa, nên được xuất ly, nên nói vô ngã dùng làm xuất ly.

Tùy thuận: Là các hành như quá khứ v.v... Dùng mộng v.v... để ví dụ, là hiển bày hành quá khứ kia. Do là xứ được nhớ nghĩ nên như mộng.

Hiện tại: Là thời gian trụ không lâu, nên như ánh chớp.

Vị lai: Là chúng tử thô ác kia giống như hư không, dẫn tâm xuất nên như mây. Như thế là nhận biết về hành của ba đời chuyển sinh rồi, tức thông tỏ về vô ngã. Đây là hiển bày tướng tùy thuận xuất ly.

Trụ xứ kia cùng tóm lược làm 8 thứ cũng được đầy đủ:

1. Trụ xứ gồm thân.
2. Trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh.
3. Trụ xứ dục.
4. Trụ xứ lìa chuống ngại.
5. Trụ xứ tâm tịnh.
6. Trụ xứ cứu cánh.
7. Trụ xứ rộng lớn.
8. Trụ xứ sâu xa.

Ở đây:

Trụ xứ gồm thân: Nghĩa là phát tâm.

Trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh: Là hành Ba-la-mật tương ưng.

Trụ xứ dục: Là muốn đạt được Sắc thân, Pháp thân.

Trụ xứ lìa chuống ngại: Là mười hai thứ còn lại.

Trụ xứ tâm tịnh: Nghĩa là chúng đạo.

Trụ xứ cứu cánh: Là từ đây trở lên đều cầu đạt Phật địa.

Trụ xứ rộng lớn cùng sâu xa: Là chung cho hết bảy xứ.

Ở trong Trụ xứ thứ 1: Như nói Bồ-tát nên sinh tâm như thế nơi chúng sinh hiện có v.v... Đây là rộng lớn. Nếu lại nói: Hoặc Bồ-tát nơi chúng sinh tương chuyển v.v... Đây là sâu xa.

Trong Trụ xứ thứ 2: Như nói Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí v.v... Đây là sâu xa. Nếu lại nói: Tự phước hiện có kia là không thể lường tính v.v... Đây là rộng lớn.

Như thế, ở trong các trụ xứ còn lại, nên biết là rộng lớn, sâu xa cùng theo chỗ tương ưng.

* Đã nói về Trụ xứ. Còn thế nào là Đối trị? (Nghĩa cú thứ 4)

Như vậy là hành tướng tương ưng kia, lúc hành các Trụ xứ, nên biết có 2 thứ đối trị: Là hành tà và hành chánh cùng kiến. Ở đây, kiến nghĩa là phân biệt.

Ở trong Trụ xứ thứ 1: Như nói Bồ-tát nên sinh tâm như thế nơi chúng sinh hiện có v.v... Đây là đối trị hành tà. Sinh tâm như thế là hành tà của Bồ-tát. Hoặc lại nói: Nếu Bồ-tát nơi chúng sinh tương chuyển v.v... Đây là đối trị hành chánh cùng kiến (phân biệt). Phân biệt chấp ấy nơi Bồ-tát cũng nên đoạn trừ. Nghĩa là "Ta nên khiến chúng sinh được diệt độ".

Ở trong Trụ xứ thứ 2: Như nói: Nên hành bố thí. Đây là đối trị hành tà, không phải không bố thí là hành tà của Bồ-tát. Nếu lại nói: Trụ nơi sự v.v..., là đối trị hành chánh cùng kiến, vì phân biệt chấp ấy nơi Bồ-tát cũng nên đoạn trừ. Nghĩa là nên hành bố thí v.v...

* Thế nào là không lỗi? (Nghĩa cú thứ 5) Vì đã lìa hai biên. Thế nào là 2 biên? Là biên tăng ích và biên tổn giảm. Nếu ở trong sự vô ngã của pháp, mà chấp là không, là biên tổn giảm, do tự phước kia không có tự tánh phân biệt. Hoặc lại nói: Thế nên Như Lai nói tự phước. Đây là ngăn chặn biên tổn giảm, do tự phước kia không như ngôn từ có tự tánh, nhưng có sự để có thể nêu, do Như Lai nói tự phước. Đây là được hiển thị như thế.

“Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy Như Lai nói là phi Phật pháp”: Đây là nhằm ngăn chặn biên tăng ích.

Đó gọi là Phật pháp: Đây là nhằm ngăn chặn biên tổn giảm.

Ở đây, Như Lai nói là phi Phật pháp: Là hiển bày nghĩa không chung.

Đó gọi là Phật pháp: Là hiển bày nghĩa tương ưng.

Thế nào là tương ưng? Nếu Phật pháp như nói có tự tánh, thì Như Lai không nói là Phật pháp, do tuy không nói, cũng tự nhận biết. Vì vậy không có tự tánh là thế đề, nên Như Lai nói là Phật pháp. Như thế, nơi tất cả xứ đều hiển thị nghĩa không chung và tương ưng, nên biết.

Lại nữa, Phật pháp nên biết là gồm thâu sự Ba-la-mật cùng Bồ-đề phần pháp như niệm xứ v.v... Bồ-tát lìa hai biên này, nên ở nơi sự đối trị kia không còn có lỗi nữa, nên gọi là không lỗi.

* Thế nào là địa? (Nghĩa cú thứ 6) Địa này có 3 thứ: Là địa Tín hành, địa Tâm tịnh và địa Như Lai.

Ở đây, 16 Trụ xứ đã hiển bày địa Tín hành. Trụ xứ chúng đạo là địa Tâm tịnh. Trụ xứ cứu cánh là địa Như Lai.

* Thế nào là lập danh? (Nghĩa cú thứ 7) Gọi là kim cương năng đoạn: Tên gọi này có 2 nghĩa tương ưng, nên biết. Như nói hành nhập chánh kiến, hành nhập tà kiến.

Kim cương: Là vi tế, cứng chắc. Vi tế: Là nhân của trí. Cứng chắc: Là không thể hủy hoại.

Năng đoạn: Là đối tượng đoạn dứt của văn tu tu trong Bát-nhã (Trí tuệ) Ba-la-mật. Như xứ đoạn của kim cương mà đoạn dứt, nên gọi là kim cương năng đoạn.

Lại như vẽ hình kim cương, trước, sau là rộng, giữa thì hẹp. Như vậy, trong Bát-nhã Ba-la-mật, hẹp là địa Tâm tịnh. Đầu, sau rộng, là địa Tín hành, địa Như Lai. Đây là hiển bày nghĩa không chung. Nên biết năm thứ Nghĩa cú kia càng lên trên là càng nương dựa. Chúng đều nương dựa nơi địa, nên nói thân Tu-đa-la nối tiếp không dứt. Nghĩa cú này nay sẽ nói.

Đức Thế Tôn vì sao dùng oai nghi của tịch tĩnh mà an tọa? Là nhằm hiển thị người tịch tĩnh, đối với pháp mới có thể nhận biết, mới có thể thuyết giảng. Vì sao Thượng tọa Tu-bồ-đề thưa hỏi? Có 6 nhân duyên:

1. Vì đoạn trừ nghi.
2. Vì dậy khởi tin, hiểu.
3. Vì hội nhập nghĩa thâm diệu.
4. Vì không thối chuyển.
5. Vì sinh hoan hỷ.
6. Vì khiến cho chánh pháp trụ lâu.

Tức là Bát-nhã Ba-la-mật, khiến cho Phật chúng không đoạn dứt. Vì sao do đây khiến Phật chúng không đoạn dứt? Nếu có người nghi, tức được đoạn nghi. Các Bồ-tát có vui thích phước đức nhưng tâm chưa thành thực, nghe nhiều phước đức, nên đối với Bát-nhã Ba-la-mật khởi tin, hiểu. Người tâm đã thành thực thì hội nhập nơi nghĩa thâm diệu. Người đã được không bị khinh thường, do tham thọ trì tu hành, do có nhiều công đức nên không còn thối chuyển. Người đã được thuận thâu cùng tâm tịnh, ở nơi pháp tự nhập và thấy rõ, sinh hoan hỷ. Nên có thể khiến nơi đời vị lai, giáo pháp Đại thừa được trụ lâu.

Nếu lược nói, thì người nghi khiến thấy rõ, nên tâm vui thích phước đức. Các Bồ-tát đã thành thực thì cùng thâu nhận. Kẻ đã được không bị khinh thường, khiến tâm tịnh tấn. Người đã được tâm tịnh thì khiến hoan hỷ.

Các Bồ-tát có 7 thứ lớn, nên “Chúng sinh lớn” này gọi là Ma-ha Tát-đóa. Những gì là 7 thứ lớn? Đó là:

1. Pháp lớn.
2. Tâm lớn.

3. Tin hiểu lớn.
4. Tâm tịnh lớn.
5. Tư lương lớn.
6. Thời lớn.
7. Quả báo lớn.

Như trong phần Bồ-tát Địa Trì đã nói.

Kinh nói: Khéo gồm thâu bậc nhất. Khéo gồm thâu: Là ở nơi chỗ các Bồ-tát, cái gì là khéo gồm thâu, cái gì là bậc nhất? Lợi lạc tương ưng, là khéo gồm thâu bậc nhất. Nên biết có 6 thứ:

1. Thời.
2. Sai biệt.
3. Cao lớn.
4. Kiên cố.
5. Phổ biến.
6. Dị tướng.

+ Thế nào là thời? Là pháp hiện thấy cùng vị lai. Bồ-tát kia khéo gồm thâu. Lạc là pháp hiện thấy. Lợi là đời vị lai.

+ Thế nào là sai biệt? Đối với Tam-muội thế gian và xuất thế gian, các bậc Thanh-văn, Độc-giác khéo gồm thâu, trong ấy có sai biệt.

+ Thế nào là cao lớn? Sự khéo gồm thâu này là vô thượng.

+ Thế nào là kiên cố? Nghĩa là rốt ráo, trọn vẹn.

+ Thế nào là phổ biến? Là tự nhiên đối với thân tự, tha khéo gồm thâu.

+ Thế nào là dị tướng? Túc ở trong chỗ các Bồ-tát chưa tịnh, khéo gồm thâu là hơn hết.

Kinh nói: Phó chúc bậc nhất.

Thế nào là phó chúc bậc nhất? Có 6 thứ nhân duyên:

1. Nhập xứ.
2. Được pháp như thế.
3. Chuyển giáo.
4. Không lỗi.
5. Bi.
6. Tôn trọng.

+ Thế nào là nhập xứ? Là ở nơi trụ xứ của thiện hữu, khéo phó chúc.

+ Thế nào là được pháp như thế? Là Bồ-tát đã được khéo gồm thâu, ở nơi trú xứ khác, cũng khéo gồm thâu pháp như thế.

+ Thế nào là chuyển giáo? Túc các vị ấy, đối với các Bồ-tát khác, phải nên khéo gồm thâu. Đó gọi là chuyển giáo.

Ba thứ này, theo như thứ lớp đó, tức là không lỗi. Cùng bi và tôn trọng, nên biết.

Do đâu chỉ hỏi về phát khởi hành? Vì Bồ-tát thừa là sự sai biệt của ba thứ Bồ-đề. Do khéo thừa hỏi, nên đối với Thượng tọa Tu-bồ-đề là đáng được khen ngợi: Lành thay!

Chúng sinh hiện có là chúng sinh đã được gồm thâu: Là nói về tướng chung.

Loài sinh từ trứng v.v...: Là nói về sai biệt.

Lại, thọ sinh, nương dựa, cảnh giới được gồm thâu có sai biệt, nên biết.

Cho đến loài hóa sinh: Là thọ sinh có sai biệt.

Hoặc có sắc, hoặc không sắc: Là nương dựa có sai biệt.

Hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc không phải có tướng, không phải không tướng: Là cảnh giới được gồm thâu có sai biệt.

Giới chúng sinh hiện có, nêu đặt, an trụ, đã thiết lập rồi: Nghĩa là đủ các thứ tướng trên, trụ nơi cảnh giới chúng sinh, là do Phật thiết lập để thuyết giảng.

Ta đều khiến họ nhập Niết-bàn: Do đâu nguyện này, về nghĩa là không thể đạt được? Do thuộc về sinh nên không lỗi. Do đều là các loài sinh, như đã nói về các loài sinh từ trứng cùng nhập nơi nguyện số. Các loài sinh từ trứng, sinh từ âm thấp ấy là không tướng cùng phi có tướng, phi không tướng v.v... tức là không thể. Vì sao có thể khiến cho tất cả chúng sinh nhập Niết-bàn? Có 3 nhân duyên: Sinh nơi xứ nạn: Là chờ thời. Sinh nơi xứ không nạn: Người chưa thành thực, thì khiến thành thực. Kẻ đã thành thực rồi thì khiến được giải thoát.

Do đâu nói cảnh giới Niết-bàn vô dư, mà không nói thẳng về Niết-bàn? Nếu như thế thì so với điều Đức Thế Tôn đã nói về Niết-bàn phương tiện như so thiên v.v..., là không khác. Kẻ kia tự dùng sức trượng phu, nên không Phật cũng đạt được, nhưng không rốt ráo.

Do đâu không nói cảnh giới Niết-bàn hữu dư? Là do quả chung kia nên tự cho do nơi túc nghiệp. Lại, gặp Phật thuyết giảng nên được quả. Lại, không phải thân hoàn toàn khổ là hữu dư. Như thế, Niết-bàn cùng Niết-bàn hữu dư, do là quả của sức trượng phu, nên là quả chung, không phải là quả cứu cánh, không phải là quả hoàn toàn. Do đó nói về vô dư.

Như thế, vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn rồi: Là hiển thị các chúng sinh như loài sinh từ trứng v.v..., mỗi mỗi thú đều vô lượng.

Không có chúng sinh đặc Niết-bàn: Đây là nghĩa gì? Như Bồ-tát đạt được Niết-bàn không khác với chúng sinh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh chuyển, tức không gọi là Bồ-tát. Đây là nghĩa thế nào? Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh, ở chỗ tha tướng chuyển, không phải là tướng tự chúng, nên không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng mạng, tướng nhân cùng chuyển, thì không gọi là Bồ-tát: Đây là nghĩa gì? Nếu dùng tâm phiền não giữ lấy tướng chúng sinh, mạng, người cùng chuyển, thì Bồ-tát kia tức có tướng ngã, cùng ở trong chúng sinh có tướng chúng sinh chuyển. Bồ-tát đối với các pháp ấy không chuyển là do đã đoạn ngã kiến, nên được tự hành (Hành là hành của năm ấm) nơi tướng bình đẳng, nên tự, tha tin hiểu bình đẳng. Bồ-tát ấy không phải là chấp giữ kiến của chúng sinh, mạng, người: Đây là nghĩa đã được nói.

Lại nữa, kinh viết: Bồ-tát nên sinh tâm như vậy: Là hiển bày Bồ-tát nên trụ trong dục nguyện như thế.

Nếu Bồ-tát có tướng ngã chuyển, không gọi là Bồ-tát: Là hiển thị nên tu hành như vậy, hợp với lúc tương ưng nơi Tam-muội.

Nếu tướng chúng sinh, tướng mạng, tướng nhân cùng chuyển, không gọi là Bồ-tát: Là hiển thị nên hàng phục tâm như thế, hợp với lúc bị phân tán, tướng chúng sinh cũng không chuyển, như nơi cảnh giới kia cùng trụ, do đây không có chúng sinh đặc Niết-bàn.

Đây là thành tựu được dục nguyện ấy: Tức gồm thâu các trụ xứ là tối thắng, hình tướng tương ưng đó, lúc hành nơi trụ xứ khác, nương dựa vào dục nguyện nên quyết định đạt được. Nghĩa của dục nguyện này không giải thích nữa.

Từ đây trở về sau, trong các trụ xứ còn lại, nên biết có 5 thứ theo chỗ tương ưng mà giải thích:

1. Dựa nơi nghĩa.
2. Nói về tướng.
3. Thâu giữ.
4. An lập.
5. Hiển hiện.

Trụ xứ - đối trị là nương dựa nơi nghĩa. Tức trụ xứ ấy là nói về tướng. Dục nguyện là thâu giữ. Trụ xứ đệ nhất nghĩa là an lập. Tương ưng nơi Tam-ma-đề là hiển hiện.

Ở trong trụ xứ Ba-la-mật thanh tịnh, kinh nói: Bồ-tát không trụ nơi vật để hành bố thí v.v... Đây là nương dựa nơi nghĩa.

Hiện thị vật đối trị trụ chấp, nên kinh nêu: Nên hành thí. Đây là nói về tướng. Sáu Ba-la-mật, loại thứ nhất là gồm thân thể tánh của tất cả Đàn na, nên Đàn na có 3 loại:

1. Tư sinh thí: Nghĩa là Bố thí Ba-la-mật.
2. Vô úy thí: Nghĩa là Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật.
3. Pháp thí: Nghĩa là Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền na Ba-la-mật, Bát la thiện nhuong (Trí tuệ) Ba-la-mật.

Nếu người thọ nhận pháp không tinh tấn, thì khi thực hiện việc thuyết pháp sẽ mệt mỏi, nên không thể thuyết pháp. Nếu không định, tức tham nơi sự tín kính, cúng dường, cũng không thể chịu đựng các thứ bức náo như lạnh nóng, nên thuyết pháp với tâm nhiễm. Nếu không có trí tuệ liền thuyết pháp điên đảo, có nhiều lỗi lầm, nên không lìa 3 thứ ấy để thành tựu được pháp thí.

Các Ba-la-mật kia có 2 thứ quả: Là vị lai, hiện tại.

+ Quả vị lai: Là Bố thí Ba-la-mật được phước báo lớn. Trì giới Ba-la-mật được tự thân đầy đủ, nghĩa là Thích, Phạm v.v... Nhẫn nhục Ba-la-mật được bạn bè lớn trợ lực, được quyền thuộc đông đảo. Tinh tấn Ba-la-mật được quả báo cùng không đoạn dứt. Thiền na Ba-la-mật được thân thể không tổn hoại. Trí tuệ Ba-la-mật được các căn nhạy bén, thông lợi, cùng các thứ vui thích, ở trong đại chúng luôn được tự tại.

+ Quả hiện tại: Được tất cả tín kính, cúng dường, cùng Niết-bàn của hiện pháp.

Ở đây, nếu Bồ-tát cầu quả vị lai nên hành thí, là trụ nơi vật để bố thí. Như nơi vật được thí, trở lại mong đạt được quả của vật ấy, vì vậy kinh nêu: Không trụ nơi vật để hành bố thí.

Nếu cầu quả vị lai như trì giới v.v..., nên hành thí, là có chỗ trụ để hành thí, do vậy, kinh viết: Nên không chỗ trụ để hành bố thí.

Quả như trì giới v.v... có rất nhiều, không thể phân biệt, nên gọi chung là có chỗ trụ.

Nếu cầu quả hiện tại như được tín kính, cúng dường v.v..., nên hành thí, là trụ nơi sắc thanh hương vị xúc để hành thí. Do vậy, kinh nói: Không trụ nơi sắc v.v...

Hoặc cầu Niết-bàn của hiện pháp nên hành thí, là trụ nơi pháp để hành thí, nên kinh viết: Không nên trụ nơi pháp để hành bố thí.

Lại, kinh nói: Nên hành bố thí: Tức nói về dục nguyện của việc thân giữ thí. Kinh nêu: Không trụ để hành thí: Tức không trụ này là an lập đệ nhất nghĩa. Ở đây, do không trụ, nên hiện thị như sự hiện có nơi đệ nhất nghĩa. Không trụ nơi vật v.v..., là sự hiện có.

Kinh viết: Bồ-tát nên hành thí như thế, không trụ nơi tướng, tướng: Đây là hiện thị: Tức tương ưng nơi Tam-muội cùng thân giữ tâm tán loạn. Đối với hai thời này, không trụ nơi tướng, tướng.

Như thế là kiến lập không trụ rồi, hoặc có Bồ-tát tham phước đức, nên ở đây không kham nhận. Vì khiến gắng nhận, nên Đức Thế Tôn đã hiển bày, chỉ rõ là không trụ để hành thí.

Tụ phước rất nhiều cũng như hư không, có 3 nhân duyên:

1. Hiện bày khắp tất cả xứ: Nghĩa là ở trong tướng trụ, không trụ, phước đều sinh khởi.
2. Rộng rãi, cao lớn, thù thắng.
3. Vô tận, cứu cánh không cùng.

Vì muốn đạt được trụ xứ của Sắc thân, nên kinh viết:: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thể nào? Nên dùng tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? Đây là dựa nơi nghĩa để hiện thị.

Nhằm đối trị kiêu mạn về Sắc thân Như Lai, nên kinh nói: Tướng đầy đủ. Đây là nói về tướng. Nhằm hiển thị về Sắc thân của Như Lai, nên Thượng tọa Tu-bồ-đề thưa là: Không phải. Vì để thành tựu đầy đủ nghĩa này, nên Đức Thế Tôn nói: Này Tu-bồ-đề! Tướng đầy đủ hiện có, chúng là hư giả, đây tức làm rõ về dục nguyện.

Ở trong nghĩa như thế nên thấu giữ, cùng tức là an lập đệ nhất nghĩa. Vì ở trong đệ nhất nghĩa, tướng đầy đủ là hư vọng, phi tướng đầy đủ là không hư vọng.

Kinh nói: Như thế, các tướng phi tương ưng là thấy Như Lai: Đây là hiển hiện. Nghĩa là tương ưng nơi Tam-muội cùng lúc thấu giữ tâm tán loạn. Ở trong tướng ấy là phi tướng, kiến.

Vì muốn được trụ xứ của Pháp thân ngôn thuyết, nên kinh nói: Lại có chúng sinh nơi đời vị lai, đối với câu được nêu của kinh như thế v.v... Ở đây, câu được nêu của kinh: Tức là nghĩa hiện có, nên biết.

Thế nào là câu (cú)? Là như trên đã nói về 7 thứ Nghĩa cú.

Thượng tọa Tu-bồ-đề khởi suy niệm: Nơi đời vị lai không có người sinh thật tướng: Vì nhằm ngăn chặn điều ấy, nên Đức Thế Tôn nói: Có chánh pháp lúc sắp hoại diệt: Nghĩa là thời gian tu hành dần diệt, nên biết. Tiếp sau, Đức Thế Tôn, vì để hiển thị sự tu hành như thế, tập nhân như thế, thiện hữu đã thấu nhận như thế, gồm thấu phước đức tương ưng như thế, trong thật tướng như thế sẽ có được tướng thật, nên kinh nêu: Có giới, có công đức, có trí tuệ: Đây là ba học như giới tăng thượng v.v... Hiển thị về công đức tu hành, các công đức như thiếu dục v.v... là thứ nhất, cho đến Tam-ma-đề.

Kinh nói: Đã được cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, cho đến nhất tâm tịnh tín v.v... Đây là hiển thị về tập nhân. Nhất tâm với niềm tin thanh tịnh, hãy còn đạt được nghiệp như thế, hưởng chỉ là sinh khởi tướng thật.

Kinh nêu: Như Lai tất biết: Biết là danh thân. Như Lai tất thấy: Thấy là Sắc thân. Nghĩa là ở trong hết thấy hành trụ đã tạo tác, biết rõ về tâm, thấy rõ về chỗ nương dựa. Những thứ ấy là hiển thị về thiện hữu đã gồm thấu.

Kinh viết: Sinh giữ lấy vô lượng tụ phước: Đây là hiển thị việc gồm thấu phước đức. Sinh là lúc phước đang khởi. Giữ (thủ) lấy tức lúc phước kia đã diệt, nên thấu giữ chung tử.

Kinh nói: Các Bồ-tát này không còn ngã tướng, chúng sinh tướng cùng chuyển, cho đến nói: Hoặc pháp tướng cùng chuyển. Tức là có ngã chấp giữ: Đây là hiển thị về thật tướng, đối trị năm thứ chấp giữ tà vạy. Những gì là 5 thứ chấp giữ tà vạy? Đó là:

1. Ngoại đạo.
2. Phàm phu cùng Thanh-văn của nội pháp.
3. Bồ-tát tăng thượng mạn.
4. Định cộng tướng của thế gian.
5. Định vô tướng.

+ Thứ 1: Là ngã v.v... tướng chuyển.

+ Thứ 2: Là pháp tướng chuyển.

+ Thứ 3: Là không pháp tướng chuyển. Đây cũng có chấp giữ pháp. Có chấp giữ pháp: Nghĩa là chấp giữ về không pháp.

+ Thứ 4: Là có tướng chuyển.

+ Thứ 5: Là vô tướng chuyển.

Các Bồ-tát này, đối với các thứ kia đều không chuyển. Trong đó, hiển bày đầy đủ về có giới, cho đến sẽ sinh vô lượng tụ phước.

Kinh nêu: Vì sao? Ở đây nói là trong chấp giữ tà vạy, chỉ là pháp cùng phi pháp tướng hợp chuyển, không phải ngã v.v... tướng, do tướng cùng chỗ

nuơng dựa không chuyển. Nhưng ở trong ngã tường, tùy miên không đoạn, tức là có ngã chấp giữ. Thế nên kinh viết: Các Bồ-tát này, nếu khởi pháp tường, tức là có ngã chấp giữ. Nếu không pháp tường cùng chuyển, tức là có ngã chấp giữ. Trong ngã v.v... tường cùng chuyển ấy, các nghĩa khác vẫn chưa nói. Kinh nêu: Tức là có ngã chấp giữ: Ở đây là chấp giữ tự thể tương tục là ngã tường. Đối tượng chấp giữ của ngã là chúng sinh tường. Nghĩa là ngã, cho đến thọ mạng chấp giữ là mạng tường. Lần lượt hướng đến các nẻo khác để chấp giữ, là nhân tường, nên biết. Ở đây nói sẽ sinh thật tường: Đây là dựa nơi nghĩa để hiển thị việc đối trị tường không thật.

Nói ở trong câu được nêu của kinh: Đây là nói về tướng để hiển thị Pháp thân ngôn thuyết. Tức ở trong thật tường sẽ sinh kia, nói sẽ sinh: Là dục nguyện. Thâu giữ: Là các Bồ-tát không còn ngã - tường nữa. Chuyển v.v... là an lập đệ nhất nghĩa.

Tu-bồ-đề! Không nên chấp giữ nơi pháp, phi pháp: Là hiển bày rõ. Nghĩa là tương ưng nơi Tam-muội, cùng lúc thâu giữ tâm tán loạn.

Không nên chấp giữ nơi pháp, phi pháp: Là ở nơi thể của pháp cùng pháp vô ngã đều không phân biệt.

Lại, Pháp thân ngôn thuyết là nghĩa chính yếu. Kinh nói: Do nghĩa ấy nên Như Lai thường nói về pháp môn "Dụ như chiếc bè". Nếu hiểu được điều đó, thì pháp hãy còn xả bỏ, hướng chỉ là phi pháp: Là lý không thể không theo, nên lược nói để hiển thị: Bồ-tát muốn đạt được Pháp thân ngôn thuyết thì không nên tạo tướng không thật. Vì muốn đạt được trí tướng, trụ xứ của Pháp thân chứng đắc, nên kinh nêu: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thể nào? Có pháp để cho Như Lai ở trong đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đắc Chánh giác chăng?: Đây là dựa nơi nghĩa để hiển thị ngược trở lại đối với Chánh giác Bồ-đề, nên người thuyết pháp là thuộc về Chánh giác.

Kinh nói: Có pháp để có thể nói là chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Đó là nói về tướng để hiển thị Pháp thân chứng đắc. Không có pháp cố định: Là Thượng tọa Tu-bồ-đề dẫn theo ý của Phật.

Là thể để nên có Bồ-đề cùng sự chứng đắc, đó là dục nguyện được thâu giữ. Do phương tiện nên cả hai cùng là có.

Nếu như ý của Đức Thế Tôn thuyết giảng, thì cả hai đều không có. Vì hiển bày điều ấy, nên nói: Như con hiểu về nghĩa của Đức Thế Tôn đã nói v.v...

Kinh nói: Vì sao Đức Như Lai đã nói pháp không thể chấp giữ, không thể nói, là phi pháp, phi phi pháp: Là an lập đệ nhất nghĩa.

Do thuyết pháp nên nhận biết đạt được Bồ-đề, tức ở trong pháp được thuyết giảng an lập đệ nhất nghĩa.

Ở đây, không thể chấp giữ: Nghĩa là lúc đang nghe.

Không thể nói: Nghĩa là lúc diễn thuyết.

Phi pháp: Là tánh phân biệt.

Phi phi pháp: Là pháp vô ngã.

Kinh viết: Vì sao do vô vi nên được gọi là Thánh nhân?

Vô vi: Là nghĩa không phân biệt. Thế nên, Bồ-tát hữu học được gọi là không khởi, không tạo tác, hợp với Như Lai chuyển y, gọi là thanh tịnh. Do đó, Như Lai được gọi là bậc vô học (Tu học hoàn tất).

Trong ấy, thứ nhất là nghĩa vô vi: Là Tam-muội tương ưng, cùng lúc điều phục tâm tán loạn được hiển bày rõ.

Thứ hai, vô vi chính là đệ nhất nghĩa: Là vô thượng giác.

Từ đây trở về sau, nên biết trong tất cả trụ xứ, đều hiển bày do vô vi nên được gọi là Thánh nhân.

Nơi những trụ xứ trước chưa nói về pháp được mang tên vô vi. Ở đây, trong đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đã nói về vô vi xong.

Trụ xứ của Pháp thân phước tướng, chứng đắc, làm thể nào để hiển thị?

Tức ở nơi Pháp thân ngôn thuyết hiện có kia xuất sinh phước tướng của Như

Lai. Pháp thân chúng đắc ở nơi ấy, cho đến chỉ nói một kệ bốn câu cũng sinh khởi phước rất nhiều, huống chi là Pháp thân chúng đắc, phước tướng hiện có của Như Lai.

Do nhân duyên nào, nên ở trong Pháp thân ngôn thuyết, nói một kệ bốn câu như vậy, có thể sinh nhiều phước? Vì để thành tựu nghĩa này nên kinh nói: Vì sao Đức Như Lai Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng từ đây xuất sinh?: Trong ấy, tích tập khắp mười pháp hành A-hàm, nên chư Phật Thế Tôn từ đây sinh khởi. Là thế đề, nên nói Phật xuất sinh do có Bồ-đề, tức hai thứ ấy là cùng hợp, gọi là Phật pháp do Bồ-đề và Phật, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy tức phi Phật pháp. Lại nữa, kinh nêu: Phước kia đã được sinh là hơn hẳn nơi vô lượng A-tăng-kỳ ấy: Đây là dựa nơi nghĩa để hiển thị việc đối trị phước không sinh. Trong đó, phước kia: Tức là nói về tướng để hiển thị Pháp thân phước tướng. Hơn hẳn nơi ấy: Là hiển thị dục nguyện được thâu giữ.

Kinh nói: Thế Tôn! Tự phước ấy tức phi tự phước, thế nên Như Lai nói là tự phước. Cùng nói: Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy tức phi Phật pháp, đó gọi là Phật pháp: Do tự phước này cùng với Phật pháp là chỗ thâu giữ Pháp thân phước tướng của Như Lai, hợp với việc an lập đệ nhất nghĩa. Vì tùy thuận vô vi nên được mang tên như thế. Tương ưng nơi Tam-muội cùng điều phục sự tán loạn, là không hiển bày lần nữa. Nói: Rất nhiều! Thưa Đức Bà-già-bà. Rất nhiều! Thưa Đức Tu-già-đà! Hai lời này là hiển thị thâu tóm tâm, giữ lấy tâm. Do thâu giữ tự tâm nên nói là thọ trì. Vì kẻ khác thuyết giảng, là giải thích cú vị. Vô lượng là vượt quá thí dụ. A-tăng-kỳ là hiển bày số nhiều.

HẾT - QUYỂN 1

2Đã nói về Trụ xứ Dục xong (Trụ xứ thứ 3 trong 8 Trụ xứ được tóm lược). Nay nói về Trụ xứ lìa chuống ngại (Trụ xứ thứ 4). Nên biết có 12 thứ chuống ngại cần được đối trị. Những gì là 12 thứ chuống ngại? Đó là:

1. Kiêu mạn.
2. Không kiêu mạn nhưng thiếu hiểu biết.
3. Đa văn nhưng ít duyên hợp tạo niệm tu đạo.
4. Không ít duyên hợp tạo niệm tu đạo, nhưng không bỏ chúng sinh.
5. Không bỏ chúng sinh, nhưng vui thích theo nẻo tán động của ngoại luận.
6. Tuy không tán động nhưng phá bỏ tướng ảnh tượng, hợp với không có phương tiện thiện xảo.
7. Tuy có phương tiện thiện xảo, nhưng tu lương không đủ.
8. Tuy tu lương phước có đủ, nhưng vui thích nơi vị biếng trễ, lợi dưỡng.
9. Tuy lìa biếng trễ, lợi dưỡng, nhưng không thể nhẫn chịu khổ.
10. Tuy có thể nhẫn chịu khổ, nhưng tu lương trí không đủ.
11. Tuy tu lương trí có đủ, nhưng không tự thâu giữ.
12. Tuy đã tự thâu giữ, nhưng không chỉ dạy trao truyền.

Trong phần thứ nhất là lìa kiêu mạn. Kinh nói: Vị Tu-đà-hoàn khởi niệm này: Ta đã được quả Tu-đà-hoàn v.v...: Đây là dựa nơi nghĩa để hiển thị việc đối trị mạn ngã chúng đắc.

Lại nữa, Tu-đà-hoàn từng khởi niệm này: Tức là nói về tướng để hiển thị không mạn. Cũng tức là dục nguyện được thâu giữ.

Kinh viết: Thế Tôn! Không có chỗ nhập, không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp: Đây là an lập đệ nhất nghĩa.

Nếu Tu-đà-hoàn có niệm như vậy: Ta đã chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, tức là có ngã tướng, nên biết nếu có ngã tướng tức là có mạn. Như thế cho đến A-la-hán cũng vậy.

Thượng tọa Tu-bồ-đề tự hiển bày hành vô tránh bậc nhất và là A-la-hán cùng có công đức: Do chỗ chứng đắc của mình khiến được tin tưởng. Do không có pháp để chứng đắc A-la-hán, cùng không chỗ hành, nên nói là hành vô tránh (không tranh). Hành vô tránh, ở đây tức là an lập đệ nhất nghĩa. Vì là việc thiếu hiểu biết, nên kinh nêu: Như Lai, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng Ứng Cúng Chánh Biến Tri, có pháp nào để có thể thủ đắc chăng?: Nghĩa là lúc Đức Phật kia xuất hiện ở đời, đã thừa sự, cúng dường, có pháp có thể giữ lấy để là bỏ sự phân biệt ấy. Là dựa nơi nghĩa v.v... cùng đối trị v.v..., theo nghĩa tương ứng, nên biết.

Vì nhằm là ít duyên hợp, tạo niệm tu đạo, nên kinh viết: Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói như vậy: Ta sẽ thành tựu việc làm nghiêm tịnh cõi Phật v.v...

Nếu suy niệm làm nghiêm tịnh cõi nước: Tức đối với các sự như sắc v.v... đã phân biệt, sinh chấp trước nơi vị. Vì là bỏ điều ấy, nên kinh viết: Do đó, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên sinh tâm không trụ, không chỗ trụ như vậy: Không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... Vì nhằm là việc xả bỏ chúng sinh, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di v.v...: Đây là hiển thị điều gì? Vì để thành tựu chúng sinh nơi cõi Dục. A-tu-la vương La-hầu-la kia, tất cả đại thân lượng như núi Tu-di, hãy còn không thấy được tự thể, hưởng chỉ là các chúng sinh khác.

Kinh nêu: Như Lai nói là phi thể: Là hiển thị pháp vô ngã.

Thể ấy là phi thể: Là hiển thị thể của pháp là không sinh, không tạo tác. Đây tức là hiển bày về tự tánh và tướng cùng sai biệt.

Vì nhằm là bỏ sự vui thích nẻo tán loạn của ngoại luận, nên kinh nói về 4 thứ nhân duyên, hiển thị pháp ấy là hơn hẳn:

1. Thân giữ phước đức.
2. Chư Thiên cùng cúng dường.
3. Khó làm.
4. Khởi niệm về Như Lai v.v...

+ Kinh nêu: Do nhân duyên này nên đạt được phước nhiều hơn trường hợp kia: Là thân giữ phước đức.

+ Kinh nói: Vì kẻ khác, hoặc thuyết giảng, hoặc trao truyền, hoặc giải thích, địa phần ấy là tướng Chi-đề: Là chư Thiên cùng cúng dường.

+ Kinh nói: Nên được đầy đủ hy hữu tối thượng: Là khó làm.

+ Kinh nêu: Địa phần này tức là trụ xứ của thầy chỉ dạy cùng các bậc đáng tôn trọng khác: Là khởi niệm về Như Lai v.v...

Ở đây, thuyết giảng là vì kẻ khác nên nêu bày trực tiếp.

Trao truyền: Là chỉ dạy, trao truyền cho kẻ khác.

Hiển thị pháp đối trị việc ưa thích nẻo tán động của ngoại luận, là thù thắng rồi, ở trong pháp như thế, hoặc đầy khởi như nói giữ lấy nghĩa để đối trị nơi tội vị lai kia, nên kinh nêu: Như Lai đã nói Bát-nhã Ba-la-mật tức phi Bát-nhã Ba-la-mật. Như Bát-nhã Ba-la-mật phi Ba-la-mật, như vậy cũng không có pháp khác.

Như Lai nói: Là để hiển bày nghĩa ấy, nên kinh viết: Từng có pháp để Như Lai có thể thuyết giảng chăng?: Đây là hiển thị về tự tướng cùng tướng bình đẳng nơi đệ nhất nghĩa của pháp môn.

Vì nhằm là, ở trong chỗ tự tại của tướng ảnh tượng không có phương tiện thiện xảo, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Như số vi trần hiện có nơi Tam thiên đại thiên thể giới v.v... Cảnh giới ấy không hạn lượng về tác ý duyên dựa, nên Bồ-tát luôn ở nơi thể giới duyên dựa, tác ý để tu tập, nên nói Tam thiên đại thiên thể giới.

Ở đây, vì phá bỏ tướng ảnh tượng về sắc thân, nên hiển bày hai thứ phương tiện:

1. Phương tiện tế tác: Như kinh nói: Số lượng vi trần hiện có nơi Tam thiên đại thiên thể giới là nhiều chẳng?

2. Phương tiện chẳng niệm: Như kinh nói: Số lượng vi trần hiện có, Như Lai nói là phi vi trần, đó gọi là vi trần.

Vì nhằm phá bỏ tướng ảnh tượng nơi danh thân của chúng sinh, nên kinh viết: Thể giới hiện có, Như Lai nói là phi thể giới, đó gọi là thể giới.

Ở đây, thể giới: Là hiển bày thể giới của chúng sinh. Chỉ do danh thân nên gọi là chúng sinh. Phương tiện chẳng niệm danh thân, tức là hiển bày việc phá bỏ tướng ảnh tượng của danh thân kia, không còn nói về phương tiện tế tác.

Vì nhằm lìa chướng ngại là tư lương phước không đủ, nên kinh nêu: Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thể nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu để thấy Như Lai chẳng?: Là hiển thị về tư lương phước, nên lúc gần gũi cúng dường Như Lai, không nên dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai. Làm sao thấy? Tức nên thấy Pháp thân đệ nhất nghĩa.

Vì nhằm lìa sự vui thích nơi vị biếng trễ, lợi dưỡng, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Như lại có người nữ, người nam, xả bỏ Hằng hà sa số tự thân v.v... Đây là hiển bày về điều gì? Như ở đây xả bỏ từng ấy tự thân như thế, thì phước hiện có không bằng phước này. Vì sao dùng một thân để làm rõ sự biếng trễ, nên là chướng ngại? Do đâu ở đây, Thượng tọa Tu-bồ-đề rơi lệ mà nói: Con chưa từng nghe pháp môn như thế! Do nghe phước thù thắng ấy là rất nhiều, vượt hơn đối với việc xả bỏ vô lượng thân, lại không nói phước thù thắng khác. Hoặc nghe phước thù thắng như thế, nên phát khởi tinh tấn rồi, nếu ở trong pháp ấy sinh khởi tướng như nghĩa, vì để lìa lỗi lầm này, nên kinh nói: Ở trong sự thuyết giảng kinh ấy, sinh khởi thật tướng, sẽ thành tựu hy hữu bậc nhất. Tức ở nơi tướng thật như thế, vì để lìa sự phân biệt tướng thật, nên kinh viết: Tướng thật hiện có ấy tức là phi tướng thật v.v...

Kinh nói: Thế Tôn! Con đối với pháp môn này, hoặc phân biệt, hoặc tin hiểu, không cho là hy hữu. Nếu vào đời vị lai, có các chúng sinh, ở nơi pháp môn này thọ trì, đọc tụng, thâm giữ, vì người khác giải thích, tức mới là hy hữu bậc nhất v.v... Đây là nghĩa gì? Vì khiến cho các Bồ-tát tham vọng nơi vị lợi dưỡng hơn cả biếng trễ, sinh hổ thẹn. Vì nơi đời vị lai, lúc chánh pháp bị hủy diệt, hãy còn có những Bồ-tát đối với pháp môn này dốc sức thọ trì, không có người chấp giữ cùng pháp được chấp giữ. Vì sao các vị, vào lúc chánh pháp hưng thịnh, xa lìa sự tu hành mà không sinh hổ thẹn?

Kinh nêu: Các vị Bồ-tát ấy không còn tưởng về ngã v.v... cùng chuyển: Là hiển thị về không có người chấp giữ.

Các tướng về ngã hiện có tức phi ngã tướng: Là hiển thị không có pháp được chấp giữ.

Kinh viết: Vì sao chư Phật Thế Tôn lìa tất cả tướng: Là hiển thị các Bồ-tát thuận theo tướng học. Chư Phật, Thế Tôn đã lìa bỏ tất cả tướng, vì thể chúng ta cũng nên học như vậy. Những đoạn kinh văn ấy là vì nhằm lìa bỏ sự thoái chuyển nơi tinh tấn, nên nói. Ở đây, nói hoặc phân biệt, hoặc tin hiểu: Là câu sau giải thích câu trước. Thọ nhận là thọ nhận văn tự. Thâm giữ là thâm giữ về nghĩa. Vì nhằm lìa bỏ sự việc không phát khởi tinh tấn, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu lúc nghe thuyết giảng về chương cú của kinh này mà không kinh sợ v.v...: Tức do kinh sợ nên không phát khởi tinh tấn. Ở trong thừa Thanh-văn, Đức Thế Tôn thuyết giảng có pháp có không, nên khi lắng nghe kinh này, nghe pháp không có nên kinh, nghe không không có nên sợ. Khi suy xét, ở trong hai lý không có chẳng

thể tương ưng nên sợ hãi. Lại có chỗ giải thích khác là ba thứ không tự tánh, nên biết. Tức là tướng, sinh, diệt nhất nghĩa là không tự tánh.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Vì sao Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất v.v... Đây có nghĩa thể nào? Lại nói thứ hai là sinh xứ hồ thẹn, nên nói pháp nầy là thắng thượng như thế, các vị không nên phóng dật. Ở đây, do đối với các Ba-la-mật khác là hơn hẳn, nên gọi là Ba-la-mật bậc nhất.

Kinh viết: Như Lai nói Ba-la-mật bậc nhất, vô lượng chư Phật cũng nói Ba-la-mật: Câu nầy hiển thị hết thảy chư Phật cùng nói bậc nhất, do đó gọi là bậc nhất.

Vì nhằm lìa bỏ chướng ngại không thể nhẫn chịu khổ, nên kinh nêu: Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật v.v... Ở đây, như chỗ có thể nhẫn, do tướng gì sinh khởi xứ nhẫn? Như nhẫn có sai biệt, là hiển thị sự đối trị nhân duyên kia. Do đâu có thể nhẫn? Là do thấu đạt pháp vô ngã. Thế nào là đối trị được? Như kinh nói: Như Lai nói Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì sao nên biết về tướng nhẫn? Như khi kẻ khác đối với mình dấy khởi điều ác, do không có tướng ngã v.v... nên không sinh tướng giận dữ, cũng không ở trong Nhẫn nhục Ba-la-mật sinh tướng có, ở trong phi Ba-la-mật khởi tướng không. Đây là hiển bày về điều gì? Như kinh nêu: Như Ta về thời xa xưa, bị vua Ca-lợi chặt đứt các chi phần nơi thân, bây giờ, Ta ở nơi tướng không có ngã cùng vô tướng, cũng phi vô tướng.

Những gì là chủng loại nhẫn? Nghĩa là nhẫn cực khổ nối tiếp nhẫn khổ. Đây là hiển thị điều gì? Như kinh viết: Như Ta về thời xa xưa, bị vua Ca-lợi chặt đứt tay chân, cùng nói: Ta nhớ lại trong năm trăm đời về quá khứ, làm Tiên nhân Nhẫn nhục v.v...

Nhân duyên không nhẫn: Là có 3 thứ khổ:

1. Khổ vì lưu chuyển.
2. Khổ vì chúng sinh cùng trái nhau.
3. Khổ vì thọ mạng thiếu thốn.

Trong ấy, như kinh nói: Thế nên, nầy Tu-bồ-đề! Bồ-tát Ma-ha-tát nên lìa tất cả tướng, phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng v.v... Đây là hiển thị việc đối trị nhân duyên của nhẫn khổ vì lưu chuyển, nhằm phát tâm Bồ-đề: Là do ba thứ tướng khổ, nên không muốn phát tâm, nên nói phải lìa bỏ tất cả tướng.

Ở đây, tất cả tướng: Là nêu rõ về ba tướng khổ như thế. Nếu chấp trước nơi sắc v.v..., tức ở trong khổ vì lưu chuyển hợp với sự mệt nhọc, thiếu thốn, nên tâm Bồ-đề không sinh. Do đây kinh nói: Không nên trụ nơi sắc sinh tâm v.v..., như trước đã nói.

Không trụ nơi phi pháp: Nghĩa là không phải pháp vô ngã.

Ở trong phi pháp cùng pháp vô ngã, đều không nên trụ, vì để thành tựu các pháp không đi đến ấy, nên nói nhằm ngăn chặn những sự việc khác, như kinh nêu: Nên sinh tâm không chỗ trụ. Vì sao? Vì nếu tâm có trụ tức là phi trụ.

Kinh viết: Như thế, Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên bố thí như vậy, cho đến nói: Các tướng hiện có tức là phi tướng. Đây là hiển thị việc đối trị nhẫn khổ vì chúng sinh cùng trái nhau. Đã vì hết thảy chúng sinh mà hành xả thí, thì vì sao đối với họ lại sinh giận dữ? Do không thể không khởi tướng chúng sinh, vì nhân duyên ấy, nên khi chúng sinh cùng trái nhau, tức sinh mệt nhọc, thiếu thốn, là hiển thị người vô ngã, pháp vô ngã.

Kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai luôn nói lời chân thật chẳng? Đây là nhằm hiển thị điều gì? Là muốn khiến tin nơi Như Lai nên có thể nhẫn.

Trong ấy, nói lời chân chánh (Chân ngữ): Là hiển bày tướng của thể đế.

Nói lời chắc thật (Thật ngữ): Là hiển bày sự tu hành của thể đế, có tướng phiền não cùng thanh tịnh.

Ở đây, thật: Là hành phiến não ấy, hành thanh tịnh ấy.

Như ngữ (Nói lời như nhu): Là tướng của đệ nhất nghĩa đế.

Bất dị ngữ (Lời nói không khác): Là sự tu hành của đệ nhất nghĩa đế.

Có tướng phiến não cùng tướng thanh tịnh, nên nói lời chân chánh v.v... rồi, nếu ở trong pháp ấy, như tánh của ngôn thuyết, khởi chấp trước, tức là loại bỏ những thứ kia.

Kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai đạt chánh giác về pháp cùng thuyết giảng v.v... Ở đây, không thật, không vọng.

Không thật: Là như tánh của ngôn thuyết là không phải có.

Không vọng: Là không như tự tánh của ngôn thuyết là có.

Kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ví như người nam đi vào chỗ tối tăm v.v..., là hiển thị việc đối trị nhân duyên của nhân khổ vì thọ dụng thiếu kém. Hoặc vì quá báo nên bố thí, liền chấp trước nơi sự mà hành xả thí, kẻ ấy, ở trong hành thí khác thọ nhận vui, khổ, không hiểu được nẻo xuất ly. Cũng như người đi vào nơi tối tăm, không biết mình hướng tới chốn nào. Kẻ kia vui thích với dục lạc cũng thế. Nếu không chấp trước nơi sự mà hành bố thí, như người nam có mắt, đêm đã qua, mặt trời mọc thấy vô số hình sắc, theo ý hướng tới, nên thấy như thế. Đêm tối vô minh kia đã qua, mặt trời tuệ hiện rồi, vô số cảnh giới được nhìn thấy đúng như thật. Kẻ kia, không hiểu biết nẻo xuất ly nơi dục lạc thọ, khổ thọ, nên vui thích với dục lạc.

Vì nhằm lìa bỏ chướng ngại là thiếu tu lương trí, nên kinh viết: Tu-bồ-đề! Nếu lại có thiện nam, thiện nữ, đối với pháp môn nầy, hoặc thọ nhận v.v... Ở đây, vì nhằm lìa sự duyên dựa của Tam-muội, nên hiển thị cùng với pháp tương ưng. Có 5 thứ công đức thù thắng:

1. Như Lai nhớ nghĩ, thân cận.
2. Thân giữ phước đức.
3. Tán thán pháp cùng sự tu hành.
4. Chu Thiên cùng cúng dường.
5. Diệt trừ tội.

+ Thế nào là Như Lai nhớ nghĩ, thân cận? Như kinh nói: Người thọ trì, đọc tụng, Như Lai dùng trí Phật nhận biết. Như Lai dùng mắt Phật thấy rõ người ấy.

Trong ấy, thọ nhận là tập tụng. Trì là không quên.

Hoặc đọc tụng, hoặc thân giữ: Đây là nói nhân của thọ trì. Vì muốn thọ nên đọc tụng. Vì nhằm trì nên thân giữ.

Lại nữa, đọc là tập tụng, thân giữ là xem nhận chung về nghĩa.

+ Thế nào là thân giữ phước đức? Như kinh viết: Các chúng sinh ấy, sinh khởi vô lượng tự phước đức như thế v.v...

+ Thế nào là tán thán pháp cùng sự tu hành? Như kinh nêu: Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Pháp môn nầy là không thể nghĩ xét, không thể nêu bàn v.v... Đây là tán thán pháp. Trong đó, không thể nghĩ xét: Là chỉ tự nhận biết.

Không thể nêu bàn: Là không có gì bằng và hơn.

Kinh viết: Lại, pháp môn nầy, Như Lai vì phát khởi thừa tối thượng nên thuyết giảng. Vì phát khởi thừa tối thắng nên thuyết giảng: Đây là thành tựu nghĩa không thể nêu bàn. Trong ấy, nên biết, các thừa khác không bằng, nên là tối thượng. Các thứ phiến não chướng, trí chướng đều thanh tịnh, nên là tối thắng.

Kinh nêu: Nếu đối với pháp môn nầy thọ trì, cho đến: Như Lai thấy đều thấy, biết v.v...: Đây là tán thán sự tu hành. Ở đây, các chúng sinh nầy thành tựu vô lượng: Là nói chung. Không thể nghĩ xét, không thể nêu bàn, không thể lường tính, là giải thích. Như vậy v.v... tức là gánh vác Bồ-đề của mình: Nghĩa là vai gánh lấy gánh nặng Bồ-đề, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Cho đến tin hiểu: Người không thể lãnh hội pháp nầy: Tức là hàng Nhị

thừa, nên kinh nêu: Nếu có ngã kiến v.v... Nghĩa là có kẻ có ngã kiến nơi chúng sinh, mà tự cho là Bồ-tát.

+ Thế nào là chư Thiên cúng cúng dường: Như kinh nói: Lại nữa, nầy Tu-bồ-đề! Theo nơi địa phận, xứ sở giải nói kinh nầy, thường nên cúng dường: Địa phận kia tức là Chi-đề (Linh tháp) v.v... Ở đây, dùng vòng hoa, hương đốt, hương xông, hương xoa, hương bột, vải lụa, lọng, cờ phướn, cúng dường, cung kính lễ bái, đi vòng quanh theo hướng phải, nên gọi là Chi-đề.

+ Thế nào là diệt trừ tội? Như kinh viết: Kẻ kia, nếu là người bị khinh khi, hết sức khinh khi, cho đến sẽ đạt được Bồ-đề: Đây là sự hủy nhục có vô lượng thứ, vì nhằm hiển bày điều ấy, nên lại nói: Hết sức khinh thường.

Kinh nêu: Sẽ được Bồ-đề Phật: Là hiển bày tội được diệt trừ. Trước đã nói do nhân duyên nầy, nên xuất sinh vô lượng A-tăng-kỳ nhiều phước, nên biết là nay sẽ giải thích nghĩa vô lượng A-tăng-kỳ kia.

Uy lực: Là sự thành thực sáng rõ.

Nhiều: Là đầy đủ sự lớn lao, hơn hết.

Ở đây, như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lainhó lại về A-tăng-kỳ kiếp vượt quá A-tăng-kỳ kiếp về trước v.v...: Đây là hiển thị về uy lực, tức uy lực của tự phước, do bậc ấy hiện có tự phước cao xa, thù thắng. Trong đây, A-tăng-kỳ kiếp: Là cho đến Đức Phật Nhiên Đăng, nên biết. Quá A-tăng-kỳ: Là lại vượt quá về trước.

Thân cận: Là cúng dường. Chẳng không quá: Là thường không lìa việc cúng dường.

Hoặc lại kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ, có được tự phước như Ta đã nói. Hoặc có người nghe, tâm tức cuồng loạn v.v...: Đây là hiển thị về số lượng nhiều. Hoặc là nhân của cuồng, hoặc là tâm bị loạn, là quả, nên biết. Uy lực ấy, ở đây cùng với số lượng rất nhiều kia, người nào có thể nêu bày? Thế nên kinh viết: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp môn nầy là không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn: Đây là hiển bày về thể của phước đó, cùng quả là không thể lường tính.

Vì nhằm xa lìa điều tự chấp giữ, nên kinh nêu: Tu-bồ-đề nói: Vì sao Bồ-tát phát tâm nên trụ trong Đại thừa? v.v... Do đâu lại phát khởi câu hỏi nơi thời gian đầu tiên ấy? Bồ-tát sắp nhập chúng đạo, tự thấy mình đạt được thắng xứ, nên khởi niệm: Ta nên trụ như thế, tu hành như thế, hàng phục tâm như thế. Ta hóa độ các chúng sinh, khiến họ đạt đến giải thoát.

Vì nhằm đối trị điều ấy, nên Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi: Nên ở vào thời gian nào, để như chỗ nên trụ, như chỗ nên tu hành, như chỗ nên hàng phục tâm? Đức Thế Tôn đáp: Nên sinh tâm như vậy v.v...

Lại, kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh v.v... cùng chuyển: Là nêu rõ về ngã chấp giữ hoặc, tùy miên. Nếu nói Ta đang hành thừa Bồ-tát thì đây là ngã chấp giữ. Nhằm đối trị điều ấy, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Không có pháp phát khởi hành thừa Bồ-tát.

Vì nhằm xa lìa chướng ngại không chỉ dạy, trao truyền, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Có pháp để cho Như Lai, ở nơi trụ xứ của Đức Phật Nhiên Đăng v.v...

Lại, kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có pháp để Như Lai chứng đắc chánh giác, thì Đức Như Lai Nhiên Đăng tức không thọ ký cho Ta: Ông sẽ đạt được v.v... Ở đây có ý gì?

Nếu pháp chánh giác có thể nói ra, như Đức Như Lai Nhiên Đăng đã nói, thì vào lúc ấy Ta liền được Chánh giác, Như Lai Nhiên Đăng tức không thọ ký, nói: Ông sẽ chứng đắc v.v... Do pháp kia không thể nêu bày, nên Ta vào lúc bấy giờ không được Chánh giác, thế nên Đức Như Lai Nhiên Đăng đã thọ ký cho Ta. Đây là nghĩa ấy, nên biết.

Lại, do đâu pháp kia không thể nêu bày? Như kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Như Lai tức là chân như, thanh tịnh như, nên gọi là Như Lai. Do như không thể nêu bày, nên nói như thế. Thanh tịnh như gọi là chân như, cũng như chân kim (vàng ròng). Hoặc nói: Nơi trụ xứ của Như Lai Nhiên Đăng, đối với pháp không đạt được Chánh giác. Thời gian sau, Đức Thế Tôn mới tự chứng đắc Chánh giác.

Vì nhằm lừa điều chấp giữ ấy, nên kinh viết: Nếu có người nói như vậy: Như Lai chánh giác nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng v.v... Lại, kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Pháp đã được Như Lai chánh giác, ở trong ấy là không thật, không vọng: Đây là hiển thị về chân như không hai.

Thế nào là không thật? Nghĩa là ngôn thuyết. Không vọng: Là chánh giác kia.

Không phải là không có ngôn thuyết của thế gian, nên kinh nói: Do đó, Như Lai nói tất cả các pháp tức là Phật pháp. Ở đây có nghĩa gì? Tức là hiển bày pháp của tất cả pháp là thanh tịnh như. Như là hiện hữu khắp hết thầy pháp. Đây là nghĩa ấy.

Lại, thế của pháp nơi tất cả pháp là không thành tựu.

Vì an lập đệ nhất nghĩa đế, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều là phi pháp. Đó gọi là tất cả pháp.

Vì nhập chúng đạo, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ví như người có thân tốt đẹp, thân lớn lao v.v...: Là hiển thị lúc nhập chúng đạo, đạt được trí tuệ nên là kiêu mạn.

Thế nào là đạt được trí? Có hai thứ trí: Là trí gồm thân chủng tánh và trí bình đẳng. Nếu đạt được trí rồi, được sinh nơi nhà Như Lai, được quyết định nối tiếp Phật chủng. Đây là trí gồm thân chủng tánh. Đạt được trí ấy, thì có thể chứng đắc diệu thân (thân tốt đẹp). Nếu ở nơi nhà ấy, nguyện sinh nơi đêm dài sinh tử. Đã được sinh, nên được thân kia. Đó gọi là diệu thân.

Trí bình đẳng lại có 5 thứ nhân duyên bình đẳng:

1. Thô ác bình đẳng.
2. Pháp vô ngã bình đẳng.
3. Đoạn tương ưng bình đẳng.
4. Tâm không trông mong tương ưng bình đẳng.
5. Tất cả Bồ-tát chúng đạo bình đẳng.

Đạt được những thứ ấy, nên được đại thân (thân lớn lao).

Đại thân gồm thân hết thầy chúng sinh, nên ở trong thân ấy an lập phi tự, phi tha, nên kinh viết: Như Lai đã nói, có người có diệu thân, đại thân tức phi thân, thế nên Như Lai nói là diệu thân, đại thân. Đây là ở trong diệu thân v.v... an lập đệ nhất nghĩa.

Những thứ như thế là đạt được trí tuệ.

Thế nào là lừa kiêu mạn? Như kinh nói: Nếu Bồ-tát nói như vậy: v.v... Đây làm sao có thể nhận biết? Nếu khởi niệm: Ta đã hóa độ chúng sinh, đưa họ đến giải thoát. Ta là Bồ-tát, nên biết đó là kiêu mạn, không phải là Bồ-tát thật nghĩa. Vì để hiển thị điều ấy, nên kinh nêu: Thế nên Như Lai nói tất cả pháp là không chúng sinh. Nếu Bồ-tát có niệm về chúng sinh, tức không được diệu thân, đại thân.

Vì bậc kia, trên là cầu đạt Phật địa, hợp với việc làm thanh tịnh cõi nước theo Tam-muội, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói: Ta sẽ thành tựu việc làm trang nghiêm cõi nước, tức chẳng phải là Bồ-tát. Nghĩa này là ở trong hành chánh cùng thấy. Vì để đoạn dứt điều ấy, nên an lập đệ nhất nghĩa, kinh viết: Tức chẳng phải là làm trang nghiêm, Như Lai nói là làm trang nghiêm cõi nước.

Lại, kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tin hiểu pháp vô ngã v.v... Pháp vô ngã: Ở đây nói là 2 thứ vô ngã:

1. Người vô ngã.

2. Pháp vô ngã.

Lại, kinh viết: Như Lai nói là Bồ-tát v.v... Bồ-tát là ở trong hai thứ vô ngã kia, đạt hai thứ chánh giác.

Ở đây là hiển thị những gì? Nếu nói Ta thành tựu tức là ngã chấp giữ về nhân. Làm trang nghiêm cõi nước: Là ngã chấp giữ về pháp, tức đây không phải là Bồ-tát.

Vì để làm rõ kiến, trí thanh tịnh đầy đủ, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có nhục nhãn chăng? v.v... Như Lai không chỉ có tuệ nhãn, vì khiến cho trí, kiến thanh tịnh hơn hẳn, nên hiển thị có 5 thứ mắt (nhãn). Nếu khác với đây, tức chỉ cầu tuệ nhãn nhận thức thanh tịnh. Ở đây, lược nói có 4 thứ mắt:

1. Sắc gồm thâu.

2. Đệ nhất nghĩa để gồm thâu.

3. Thế để gồm thâu.

4. Hết thầy loại, tất cả nên nhận biết gồm thâu.

Sắc gồm thâu lại có 2 thứ: 1. Quả của pháp. 2. Quả của tu.

Đây là năm mắt. Là cảnh giới thô, là sắc gồm thâu thứ nhất.

Do trí lực của đệ nhất nghĩa, nên thế trí không điên đảo cùng chuyển. Do đó, đệ nhất nghĩa để gồm thâu ở trước. Ở đây, vì người thuyết giảng pháp, nếu pháp ấy đã vì người kia nên thiết lập, thì trí này gọi là pháp nhãn. Hết thầy nên nhận biết, hợp với tất cả loại nơi trí không công dụng, gọi là Phật nhãn. Những thứ đó gọi là kiến thanh tịnh. Như kinh nói thí dụ về Hằng hà v.v... Từng ấy thứ tâm trụ hiện có, Ta thấy đều nhận biết v.v..., đây là trí thanh tịnh.

Trong đó, tâm trụ: Nghĩa là tâm của ba đời.

Từng ấy thứ: Nên biết là có hai loại: Là nhiễm và tịnh. Tức là tâm cùng dục và tâm lìa dục.

Đời: Nghĩa là các phần như quá khứ v.v...

Ở trong hai thứ ấy, an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Tâm trụ, tức là chẳng phải trụ, cho đến tâm quá khứ chẳng thể thủ đắc v.v...

Ở đây, tâm quá khứ chẳng thể thủ đắc: Là đã diệt.

Vị lai: Là chưa có. Hiện tại: Là đệ nhất nghĩa. Vì nên nhận biết hợp với chúng đắc, nên an lập kiến để giáo hóa các chúng sinh. Chúng sinh ấy tâm tịch tĩnh, nên an lập trí. Ở trong trí thanh tịnh đó, nói tâm trụ, tức chẳng phải tâm trụ. Như vậy, trong kiến tịnh, vì sao không nói mắt tức phi v.v... Là do một trụ xứ, nên kiến, trí tịnh, sau mới an lập đệ nhất nghĩa, tức đầu tiên cũng được thành tựu. Vì phước tự tại đầy đủ, nên kinh viết: Tam thiên đại thiên thế giới nầy v.v...

Ở đây cũng an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Nếu như tự phước có thật v.v...

Ở trong thân gồm đủ là tướng hảo đầy đủ, nên kinh nói: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng Sắc thân thành tựu để thấy Như Lai chăng? v.v...

Trong đây, cũng do an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh nói: Như Lai nói là phi thành tựu.

Vì tướng thân đầy đủ, nên kinh nêu: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng đầy đủ để thấy Như Lai chăng? v.v... Vì ngôn ngữ đầy đủ, nên kinh viết: Nầy Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Tôn giả cho là Như Lai suy niệm: Ta đã thuyết pháp v.v... Ở đây, để an lập đệ nhất nghĩa, nên kinh nêu: Như Lai thuyết pháp, thuyết pháp là v.v...

Ở trong tâm đầy đủ là niệm xứ, nên kinh viết: Thế Tôn! Từng có chúng sinh nơi đời vị lai, nghe nói về pháp nầy v.v... Xứ ấy, ở trong các chúng sinh là hiển thị như niệm xứ của Đức Thế Tôn.

Pháp kia không phải là chúng sinh: Là đệ nhất nghĩa.

Phi không là chúng sinh: Là thế đế.

Người ấy tức là hy hữu bậc nhất: Là hiển bày việc nói về đệ nhất nghĩa, là không chung và tương ung. Văn ở đây như trước đã nói.

Ở trong tâm đầy đủ đó, là chánh giác, nên kinh viết: Lại có pháp để Như Lai, ở nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng đắc Chánh giác chăng? v.v...

Trong đó, không có pháp: Là lừa dối lầm của kiến hữu. Đã hiển thị về Bồ-đề cùng đạo Bồ-đề, ở đây lại hiển bày về Bồ-đề, có 2 nhân duyên:

1. Nói về A-nậu-đa-la (Vô thượng).

2. Nói về Tam-miệu-tam-phật-đà (Chánh đẳng Chánh giác).

Ở đây, kinh nói: Vì trần nhận là pháp là không thể được, không thể có: Đây là nói về A-nậu-đa-la. Đây là hiển thị về tự tướng của Bồ-đề, là tướng giải thoát của Bồ-đề.

Trong kia, không có vi trần nhận là pháp có thể tánh. Thế nên cũng không thể đạt được, cũng không thực có, nên biết.

Kinh viết: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng: Là nói về Tam miếu tam Phật đà, hiển thị Bồ-đề là tướng người bình đẳng.

Ở đây, bình đẳng: Là do pháp Bồ-đề, nên được biết là Phật.

Trong ấy, kinh nói: Không có cao thấp: Là hiển thị tất cả chư Phật, trong đệ nhất nghĩa, thọ mạng là bình đẳng, không cao thấp.

Kinh nói: không thọ mạng: Là không chúng sinh đạt được bình đẳng ấy.

Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng: Là hiển bày về Bồ-đề, là đối với pháp sinh tử đều có tướng bình đẳng.

Kinh viết: Hết thầy pháp thiện được chánh giác: Là hiển thị về đạo Bồ-đề.

Kinh nói: Gọi là pháp thiện, pháp thiện ấy, Như Lai nói là phi pháp thiện v.v...: Đây là an lập tướng của đệ nhất nghĩa.

Ở trong tâm gồm đủ kia, vì thiết lập pháp lợi lớn, nên kinh viết: Trong Tam thiên đại thiên thế giới, hiện có núi Tu-di v.v...: Ở đây là an lập sự chỉ dạy, trao truyền của đệ nhất nghĩa.

Kinh viết: Như Lai tướng khởi niệm: Ta hóa độ chúng sinh chăng? v.v... Như Lai tức có chấp giữ về ngã v.v...: Đây là có nghĩa gì? Như Lai như Nhĩ diệm (trí mẫu) mà nhận biết đúng, nếu có chúng sinh tưởng tức là Như Lai có chấp giữ ngã. Nếu thật không có ngã mà nói có chấp giữ ngã, vì nhằm lừa dối ấy, nên kinh nêu: Này Tu-bồ-đề! Chấp giữ về ngã, tức là phi chấp giữ v.v... Thế nên chỉ có trẻ con, phàm phu mới có chấp giữ như thế.

Kinh viết: Phàm phu, phàm phu ấy, Như Lai nói là phi phàm phu, đó gọi là phàm phu.

Ở trong tâm gồm đủ ấy, vì thâm giữ Pháp thân, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả nghĩ sao? Nên dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng?

Trong đây, kệ thứ nhất đã hiển bày, như chỗ không nên thấy, không thể thấy. Vì sao là không thể thấy? Vì những người thấy là thế đế, nên người ấy hành tĩnh tà. Định gọi là tĩnh. Do đạt được thiền nên gọi là tịch tĩnh.

Lại nữa, thiền gọi là tư duy tu. Ở đây, tu là thuộc về ý. Tu là thuộc về thức. Nói tịch tĩnh, tức là nói về ý cùng thức, nên biết là thuộc về thế đế.

Kẻ kia không thể thấy Phật: Là người hành thế đế ấy.

Kệ thứ hai hiển bày, như kẻ kia không thể thấy cùng nhân duyên không thể thấy, nghĩa là phần đầu, phần tiếp theo. Ở đây, kệ nói: Do pháp nên thấy Phật. Pháp là nghĩa chân như. Đây là do nhân duyên nào kệ nói: Đạo sư pháp là thân. Do như làm duyên, nên xuất sinh thân thanh tịnh của chư Phật. Đây không thể thấy, chỉ nên thấy pháp, nên kẻ kia không thể thấy.

Lại do nhân duyên nào nên không thể thấy? Do tướng chân như của pháp kia, không phải như ngôn thuyết mà nhận biết, chỉ tự chứng biết.

Không như ngôn thuyết: Là không thấy thật, nên không thể nhận biết. Vì nhằm hiển bày nghĩa ấy nên kệ nói: Thể pháp không thể biết, nên kẻ kia không thể biết.

Ở trong trụ xứ này, được hiển bày, là do Pháp thân nên thấy Như Lai, không phải do tướng đầy đủ. Như thế thì Như Lai, tuy không nên dùng tướng đầy đủ để thấy, nhưng nên dùng tướng đầy đủ làm nhân để chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Vì nhằm lìa bỏ chấp trước ấy, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thể dùng tướng đầy đủ, để ở nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng, chứng đắc chánh giác chăng? v.v...

Ở trong tâm gồm đủ ấy, vì không trụ nơi sinh tử, Niết-bàn, nên kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Tôn giả đây khởi niệm: Phát khởi hành trì thừa Bồ-tát chăng? v.v...

Ở đây, kinh nêu: Đối với pháp không nên nói đoạn dứt: Nghĩa là như pháp đã trụ mà thông tỏ, không đoạn pháp ảnh tượng của tất cả sinh tử. Đối với Niết-bàn, tự tại hành tạo lợi ích cho chúng sinh. Ở đây là nhằm ngăn chặn nẻo hoàn toàn tịch tĩnh, nên hiển thị không trụ nơi Niết-bàn. Nếu không trụ nơi Niết-bàn, thì nên thọ nhận sinh tử khổ não. Vì nhằm lìa chấp trước ấy, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ, cho đến: Vì thế Bồ-tát giữ lấy phước đức v.v...

Trong đây, kinh nêu: Vô sinh pháp nhãn vô ngã: Là nghĩa gì? Như Lai, đối với pháp hữu vi đều được tự tại, nên không có pháp sinh tử kia. Ta lại không phải do sức của phiền não nghiệp sinh, nên không sinh, nên gọi là vô ngã.

Vô sinh: Ở đây vì sao được hiển thị? Như nói thân lấy phước khác, hãy còn ở trong sinh tử không thọ nhận khổ não, hưởng chỉ là Bồ-tát ở trong pháp vô ngã, vô sinh, được nhãn rồi, thì chỗ phước đức đã sinh lại không thù thắng, nhiều hơn trường hợp kia.

Kinh viết: Tu-bồ-đề ! Bồ-tát không nên thọ nhận tự phước: Đây là hiển thị không trụ nơi sinh tử. Nếu trụ nơi sinh tử tức thọ nhận phước tự.

Kinh nêu: Tu-bồ-đề nói: Không nên thọ nhận tự phước chăng?

Đây có nghĩa gì? Do Đức Thế Tôn, ở nơi xứ khác nói nên thọ nhận tự phước.

Kinh viết: Đức Thế Tôn nói: Thọ nhận tự phước, không chấp giữ tự phước, đó gọi là thọ nhận phước mà không chấp giữ: Đây là hiển bày do phương tiện nên thọ nhận, nhưng không nên chấp giữ. Như trước đã nói. Ở trong hành trụ tâm gồm đủ, là hành trụ oai nghi, nên kinh nêu: Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai hoặc đi hoặc đến v.v... Trong đây, hành là đi, đến. Trụ là các oai nghi khác.

Vì nhằm làm rõ hành trụ tự tại của thân danh sắc, nên kinh nói: Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, đem số vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới v.v... Ở đây, là phương tiện vi tế cùng phương tiện không chỗ thấy. Về việc làm rõ như trước đã nói, nên biết.

Kinh viết: Tự vi trần kia là hết sức nhiều: Là phương tiện vi tế.

Kinh viết: Thế Tôn! Nếu tự vi trần là có, Đức Thế Tôn tức không nói là tự vi trần: Đó là phương tiện không chỗ thấy.

Ở đây nói như vậy là có nghĩa gì? Nếu tự vi trần trong đệ nhất nghĩa là có, thì Đức Thế Tôn tức không nói là phi tự. Đức Thế Tôn nói tự vi trần là phi tự, đó gọi là tự vi trần: Do thể của tự ấy là không thành tự. Nếu khác với đây, tuy không nói cũng tự nhận biết tự ấy là nghĩa gì, nên cần nói.

Kinh viết: Như Lai nói tức phi thể giới: Đây là phương tiện không chỗ thấy. Việc làm rõ về danh thân ấy, cũng như trước đã nói, nên biết. Ở đây, thể giới: Là biện minh về thể giới của chúng sinh. Pháp kia chỉ được mang tên là danh thân.

Kinh viết: Thể Tôn! Nếu thể giới là có: Tức là có nắm giữ lấy. Ở đây là cùng nói, hoặc thể giới, hoặc vi trần giới. Có hai thứ nắm giữ lấy:

1. Nắm giữ lấy một.
2. Nắm giữ lấy sai biệt.

Loại chúng sinh, thể giới chúng sinh có: Đây là nắm giữ lấy một. Vi trần có: Đây là nắm giữ lấy sai biệt. Do giữ lấy vi trần tụ tập, nên kinh nói: Như Lai nói nắm giữ lấy tức là chẳng phải nắm giữ lấy: Đây là Thượng tọa Tu-bồ-đề an lập đệ nhất nghĩa. Đức Thế Tôn vì thành tựu nghĩa như thế, nên nói là nắm giữ lấy: Tức là không thể dùng ngôn thuyết để nêu bày. Đây là nhằm hiển thị về pháp gì? Là ngôn thuyết của thể để nên có sự nắm giữ lấy kia. Là đệ nhất nghĩa nên pháp ấy không thể nêu bày. Các trẻ con, phàm phu ấy, là như sự chấp giữ ngôn thuyết, không phải là đệ nhất nghĩa.

Đã nói về phương tiện không chỗ thấy, chưa nói về nghĩa làm rõ. Trong không chỗ thấy, lúc nhập Tam-muội tương ưng không phân biệt. Nghĩa là như chỗ không phân biệt, cùng với người nào, pháp nào, phương tiện nào, vì sao không phân biệt? Điều này, ở sau sẽ nói đủ.

Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai nói ngã kiến v.v... Những điều ấy là hiển thị như chỗ không phân biệt. Vì sao có thể làm rõ như ngoại đạo nói ngã, Như Lai nói là ngã kiến, để lập nên người vô ngã. Lại vì nói có ngã kiến ấy, tức lập nên pháp vô ngã. Như có ngã kiến kia là thuộc về kiến, quán xét như thế, Bồ-tát lúc nhập Tam-muội tương ưng, không còn phân biệt, tức sự quán xét này là nhập phương tiện.

Kinh viết: Tu-bồ-đề! Bồ-tát nhân đây phát khởi: Đây là hiển thị người nào không phân biệt.

Kinh nói: Nơi tất cả pháp: Đây là hiển thị đối với pháp nào không phân biệt.

Kinh viết: Nên biết như thế. Nên thấy như thế. Nên thắng giải như thế: Đây là hiển bày tâm tăng thượng, trí tăng thượng, nên ở trong chỗ không phân biệt, thấy, biết, thắng giải. Ở đây, nếu trí nương dựa nơi chỉ, nên là biết. nương dựa nơi quán, nên là thấy. Hai thứ ấy nương dựa nơi Tam-muội, nên là thắng giải. Do Tam-muội tự tại, nên hiểu rõ bên trong duyên dựa nơi ảnh tượng. Đó gọi là thắng giải.

Kinh viết: Nhận biết, hiểu rõ như thế rồi, nhưng không trụ nơi pháp tướng: Đây chính là hiển bày về không phân biệt.

Kinh nêu: Pháp tướng, pháp tướng ấy tức phi pháp tướng, đó gọi là pháp tướng: Đây là hiển bày về nghĩa không chung và nghĩa tương ưng trong pháp tướng, như trước đã nói.

Như vậy, trong tất cả trụ xứ, nên biết phương tiện của Tam-muội tương ưng cũng thế. Hai thứ dục nguyện cùng thâm giữ tán loạn như trước đã nói, lại không có nghĩa khác, do đây không nói nữa. Ở trong phương tiện nơi tâm gồm đủ kia, vì nói pháp không nhiễm, nên kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát, đem bảy thứ báu đầy khắp trong vô lượng A-tăng-kỳ thể giới v.v...: Đây là nhằm hiển thị điều gì? Do có lợi ích lớn như vậy, nên quyết định diễn nói thật. Diễn nói như thế, nhưng không nhiễm chấp.

Kinh viết: Thế nào là diễn nói mà không diễn nói, đó gọi là diễn nói?: Đây có nghĩa gì? Tức hiển bày không thể ngôn thuyết nên không diễn nói. Thể của pháp kia có thể nói, nên diễn nói như vậy. Nếu khác với đây, tức là giảng nói có nhiễm, do nghĩa điên đảo.

Lại, lúc thuyết giảng như thế không cầu tin kính v.v..., cũng là thuyết pháp không nhiễm. Ở trong tâm gồm đủ ấy, vì không nhiễm nơi sinh tử, nên nói kệ về sao, màng, đèn, huyền v.v..., nghĩa này như trước đã nói.

Nếu nghe nghĩa như vậy

Nơi Đại thừa không ngộ

Ta nghĩ quá hơn đã

Nên cứu cánh không nhân.

Người kém nơi pháp lớn sâu này

Không thể hiểu biết cùng hướng tín

Thế gian có nhiều người như thế

Do đây pháp này thành hoang phế.

Kim Cương Đoạn Cát Bát Nhã Ba La Mật Luận xong. A Tăng Già (Vô Trước) tạo.

HẾT - QUYỂN 2

Hết phần nội dung Bản dịch Việt ngữ số 1 của LUẬN KIM CƯƠNG BÁT NHÃ.

-----oooo000oooo-----